

ĐƯỜNG VÀO HỔ-THẨM

BÙI THẾ TRƯỜNG

Chúng ta thật lòng mong được sung sướng và hạnh phúc, thế mà “lại và bị” nào phiền não cho đến khổ đau quấy rầy mãi mãi. Vì sao? Vì những tà kiến căn bản của chúng ta với liên hệ thế giới bên ngoài hoàn toàn sai lạc nên đưa tới những rối ren như thế (Đức Đạt Lai Lạt Ma 14, 2004). Vì rằng chúng ta nghĩ rằng mọi vật trên đời đều là thật. Ta là thật. Ngã là thật. Tiền của mọi vật chất là thật. Hạnh phúc là thật. Danh vọng địa vị là thật. Thiên đàng và địa-ngục cũng là thật nữa. Chúng ta ôm giữ chặt tất cả bằng đôi tay, bằng niềm tin, không cho mất. Nếu bị mất, dù chỉ một phần nhỏ, hay bị hăm dọa đánh mất, vì bất cứ lý do gì, đều làm cho ta đau khổ khôn nguôi. Đó là những gì ta nghĩ và những gì làm ta tự đau khổ lấy. Kinh Lăng già Đức Phật đã dạy: “Tâm là Tông, mà Không là cửa của Pháp”. Như vậy thì con đường vào hổ thẩm, nếu chúng ta muốn vào thì cần buông tay, nghĩa là bỏ hết, mà nhảy vào cửa “Không”. Đó là cách mà ta sẽ có được cái an lạc. Làm sao mà nhảy qua khi không thấy cửa? Cứ buông hai tay mà nhảy qua. Nhảy qua. Nhảy qua đi. Nếu đi vào bằng cửa bằng đôi chân, mà hai tay thì không buông, thì không đi tới đâu. Và như thế chúng ta vẫn còn khổ não mãi. Vì sao? Vì chúng ta đứng trên lập trường nhân quả nhị nguyên, nên không tránh khỏi những mâu thuẫn tự nó mà ra, là vì nhờ duyên mà vào được, thì ắt phải không tránh được sự hủy-diệt, khi duyên tan lìa. Vậy chúng ta cần có “cái nhìn” thì mọi vấn đề được hóa giải ngay. Đó là buông cả hai tay mà nhảy vào hổ thẩm, nghĩa là phải quyết tâm và dứt khoát. Buông bỏ hết. Bỏ hết.

BỐN VIÊN NGỌC QUÍ

Khi Đức Phật đắc đạo, cái quan trọng nhất mà Đức Phật quán thấy là vạn pháp ở trên cõi đời này đều do các duyên hợp lại mà thành khi duyên đủ vạn vật hiện ra in tuồng như có, khi duyên tan hết đi, vạn vật biến mất in tuồng như không, chứ không do một Vị nào như Thần linh hay Chúa tể sáng tạo ra để có hay không, lại cũng chẳng do mọi sự may rủi tham dự vào nó. Đó được gọi là thuyết DUYÊN KHỞI. Duyên khởi dịch từ tiếng Phạn là Paticca Samuppada. Paticca là tùy thuộc. Samuppada là sinh khởi. Ví dụ cụ thể là nếu có đủ hơi nóng (tùy thuộc) thì hơi nước bốc hơi lên (sinh khởi), và nếu có đủ lạnh (tùy thuộc) thì hơi nước trên hợp lại thành nước rơi xuống (sinh khởi). Như cây mạ nếu đủ ánh sáng, phân bón, nước, thời gian và môi trường tốt (tùy thuộc)...thì cho ta hạt lúa (sinh khởi).



Nói về thuyết Duyên khởi thì cũng phải nói về “Thập nhị nhân duyên” (12 nhân duyên). Thuyết duyên khởi thì trình bày tính chất chung của mọi hiện tượng trong vũ trụ. Còn mười hai nhân duyên là để giải thích về sự hình thành, sự hoại diệt của Nghiệp, của đau khổ của con người và của cả cuộc đời.

Về Thập nhị nhân duyên, cái cửa thứ nhất dẫn đến với nhân duyên gọi là nhân duyên môn cũng gọi là Pháp. Pháp là mọi hiện tượng, mọi sự vật, sinh ra từ những duyên khác nhau: chúng đều không có tự tánh. Duyên thì có hai nguồn gốc: nội duyên và ngoại duyên. Ngoại nội duyên là gì? Thí dụ cái chậu đựng hoa, thì ngoại duyên gồm có: đất sét, dụng cụ, lửa nóng để hầm chậu, công nhân khuôn vát, củi để đốt, người thợ nắn chậu, dụng cụ và màu sắc để sơn phết. Còn nội duyên gồm có: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử. Mỗi thứ trên, phải có đủ nội hay ngoại hợp thành mới có, nghĩa là phải có nhân rồi mới có sinh ra. Do các nhân duyên khác nhau làm nên, chúng không có cái tự tánh. Vì không có tự tánh, nên không thể nào có tha tánh. Bởi tính chất của tha tánh là không có tự tánh. Thế nên, sự kiện các pháp có được là do ngoại duyên và nội duyên mà ra hoặc thành hay hoại.

Vì, mọi nhân duyên vốn đều là không. Nên những pháp do nhân duyên sanh ra cũng đều là không. Những pháp gọi là hữu vi, do nhân duyên sanh ra, cũng đều là không. Nếu hữu vi pháp là không thì mọi cái ngã nào của chúng cũng đều là không. Các hữu vi pháp như “5 uẩn”, “thập nhị nhập”, “thập bát giới” cũng đều là không, nên chẳng có cái ngã nào trong chúng. Cũng vậy, Đức Phật dạy: “Này các tỳ kheo, có cái ngã thì mới có những thứ thuộc về ngã. Nếu không có cái này thì làm gì có cái kia”. Có thể hiểu là nếu không có vật gì có thể cháy thì làm gì có đám cháy.

Cần nhấn mạnh là hữu vi pháp là không, thì vô vi pháp “Niết bàn” cũng là không. Nếu ngũ uẩn vốn là không thì ai có thể đạt tới Niết bàn? Còn Niết bàn thì thuộc về Vô sanh pháp. Mà hữu sanh pháp không thể thành lập, thì làm sao các vô sanh pháp lại được thành lập? Hữu sanh pháp là vật có sự sanh khởi, còn vô sanh pháp là vật không có sự sanh khởi. Cả hữu sanh lẫn vô sanh pháp mà cái ngã của chúng vẫn vốn là không. Ngài Long Thọ (Nāgārjuna) cho rằng 12 nhân duyên vốn cũng là “không”. Thế nên không thể nào dùng tâm thức hoặc các yếu tố nội tại để giải thích thực tại của vũ trụ.

Trong thuyết Duyên khởi, các vạn pháp nương gá nhau bởi do trùng trùng duyên hợp tạo nên, trong một liên hệ chằng chịt, một cách mật thiết. Nên cái này có thì cái kia cũng có. Cái này mất thì cái kia cũng mất. Cái này sinh thì cái kia sinh. Hay nói cách khác, khi nguyên nhân mất thì quả cũng mất. Khi nhân không còn thì quả cũng không. Khi nhân phát sinh thì quả sẽ sinh. Vì tương quan lẫn nhau trong liên hệ nhân duyên như

vậy, nên trong một có tất cả, hay trong một pháp là có tất cả các pháp. Một mà không còn thì tất cả cũng không còn. Dù ở trong một tương quan nương gá nhau như thế, mà bản chất của các pháp hợp thành vẫn vốn là không.

Trong Kinh Tạp A Hàm, có ghi: “Đức Phật nói: Các Tỳ Kheo, xưa kia, khi ta chưa thành Chánh giác, ta nghĩ: Cuộc đời này là do những nỗi khổ ràng buộc: sinh, già, bệnh, chết. Ta tự hỏi: Do đâu có già chết?”

Do nhờ sự tư duy chính đáng, mà ta biết như vậy: Nhờ có sinh mà có già chết. Do sinh làm duyên mà có già chết. Ta lại nghĩ thêm: Làm thế nào không có già chết? Không sinh thì không già chết. Sinh bị diệt thì già chết cũng bị diệt. Lại nghĩ thêm về 12 nhân duyên là Vô minh sinh Hành, Hành sinh Thức, Thức sinh Danh sắc, Danh sắc sinh Lục căn, Lục căn sinh Xúc, Xúc sinh Thọ, Thọ sinh Ái, Ái sinh Thủ, Thủ sinh Hữu, Hữu sinh Sinh, Sinh sinh Lão tử.

Trong 12 nhân duyên, ta thấy vô minh là đầu mối của mọi đau khổ, từ vô minh mà sinh ra hành, thức cho đến tử. Nếu diệt vô minh dẫn đến diệt hành. Diệt hành dẫn đến diệt thức. Diệt thức dẫn đến diệt danh-sắc. Diệt danh sắc dẫn đến diệt lục-căn. Diệt lục-căn dẫn đến diệt lục-xúc. Diệt lục-xúc dẫn đến diệt thọ. Diệt thọ dẫn đến diệt ái. Diệt ái dẫn đến diệt thủ. Diệt thủ dẫn đến diệt hữu. Tận diệt hữu dẫn đến diệt sanh. Diệt sanh dẫn đến diệt lão, tử (khổ não, ai oán, đau khổ, buồn rầu và thất vọng)

Dù rằng kiếp con người chỉ toàn là những nỗi khổ đau chông chát từ lúc sinh ra cho đến lúc chết. Đức Phật đã bảo “Nước mắt chúng sinh nhiều hơn nước bể cả. Nhưng mang được thân làm người thì quả thật là may mắn và hạnh phúc, vì rằng con người có suy nghĩ, có trí tuệ, có quyết tâm nên rất dễ tu hành tiến bộ.

Đức Phật thường nhắc nhở dù đời có đầy khổ đau, nên xem tất cả khổ đau là chất liệu cần thiết để bồi đắp cái đạo đức làm người. Đã là người nên luôn tìm cách học hỏi, bồi đắp làm cho tâm hồn và đời sống được trong sạch tốt tươi hơn, để có một cuộc đời tốt hơn trong cuộc sống đau khổ và bất trắc này.

Trong Kinh Tạp A hàm, có ghi: Một con rùa sống vô lượng kiếp, một trăm năm mới trồi đầu lên một lần trên mặt biển, và hy vọng tìm được bọng cây trôi bồng bềnh trên biển để bám vào bọng cây đó. A Nan bạch Phật: Thưa Thế Tôn, con rùa có gặp được bọng cây đó không? -Không thể gặp, A Nan. Vì sao? Vì con rùa nếu ở biển Đông, thì bọng cây trôi giạt theo gió tới biển Tây, biển Bắc hay biển Nam. Phật giải thích thêm: Dù bọng cây trôi giạt tứ phương, nhưng còn có chút hy vọng để con rùa gặp nó, dù rằng rất ít ỏi. Nhưng làm kẻ phàm phu đầy vô minh lại trôi giạt trong ngũ-thú thì rất là khó khăn ngàn lần hơn con rùa có chút hy vọng gặp bọng cây.”

Để diệt khổ trong cuộc đời, Đức Phật dạy bài học tại vườn Lộc

Uyển về Tứ Diệu Đế là: Khổ đế là quả của đau khổ. Mà nhân của Khổ là Tập đế. Chúng sanh cần biết nguyên nhân gây ra kết quả của những đau khổ. Phương pháp để diệt nguyên nhân của đau khổ gọi là Đạo đế. Khi nguyên nhân đã diệt, thì tâm được an lạc, được thanh tịnh, và giải thoát đó gọi là Diệt đế.

Cái đau khổ có một vị trí quan trọng trong cuộc sống của con người, là động lực thúc đẩy con người nên tu hành, nên cải thiện tâm hồn và đạo đức để vươn lên thành con người có giá trị thật sự. Cái đau khổ cuộc đời như là bể mênh mông. Cái thân xác mình hiện mang đau khổ như là chiếc bè. Hãy dùng thân xác chiếc bè này để vượt qua bể khổ mênh mông đó mà đến bến bờ thanh tịnh, an lạc.

Có thể nói, trong cái lý duyên khởi đưa đến cái lý tìm nguyên nhân của sự sinh tử và con đường thoát ly sinh tử.

Trong duyên khởi này có bốn viên ngọc quý:



1- Viên ngọc quý mang tên KHÔNG.

Cái lý của không gọi là duyên hợp. Duyên hợp lại được hiểu là vạn pháp trên đời này là đều do các duyên nương gá nhau mà thành. Vì nương gá nhau mà thành nên nó không có cái tự-ngã riêng biệt. Theo duy thức học, không tự ngã là không trường tồn bất biến. Còn Pháp là tất cả sự vật từ tinh thần cho đến vật chất: hữu tình, vô tình, hữu vi, vô vi v.v... Vì không có tự ngã riêng biệt nên vạn pháp được gọi là KHÔNG. Vì không có cái tự ngã riêng biệt nên mặc dù là có, dù dưới hình thức nào, cái có đó vốn thật không phải là cái có. Từ con người, bụi cây, núi non, sông biển, và cả vũ trụ, đều phải do duyên hợp mà thành, và vạn pháp cũng phải nương dựa lẫn nhau để mà sinh tồn. Sinh tồn để có, mà in tuồng như là có. Vả lại, không có một vật nào tự nó có hay tự cô lập chính nó để được có. Trong Kinh Hoa Nghiêm thì gọi cái vạn pháp có được là do “trùng trùng duyên khởi trong không gian nhiều chiều” mà cấu tạo thành, cái thành của vạn pháp được coi như là mộng, huyền mà thôi.

Những người học đạo thường hiểu Không như không có chi cả. Hiểu như thế, tức là nhầm lẫn phương tiện và cứu cánh, lấy bệnh làm thuốc. Vậy đừng sợ rơi vào Không. Dù có rơi vào không dĩ nữa thì vẫn chưa gọi là chuyện dữ. Chỉ mong sao coi tất cả cái Có là Không, chứ đừng lấy cái Không làm sự thật, vì bản tánh của chúng vốn là Không (D.Suzuki, 2001)

“Không” được hiểu thâm sâu hơn ngay bản thân con người khi Đức Phật đã giảng cho năm vị đệ tử đang thắc mắc về tự ngã như sau: “Hỡi Sa môn! Sắc thân này không phải là tự ngã, vì nếu là tự ngã thì sắc thân này không còn lệ thuộc vào bệnh tật, vì người ta bảo sắc thân như vậy: sắc thân thế này cho ta, và đừng thế này cho ta! (ví như: đừng bệnh gì cả, và trẻ đẹp mãi). Thật vậy, kể cả khoa học ngày nay dù có tiến bộ trong việc bảo vệ sức khỏe của con người, nhưng không bảo vệ được sự tàn

ta của già nua, bệnh tật và chết chóc (hoại diệt)...” Vì sắc thân không phải là tự ngã, nên lệ thuộc vào bệnh tật. Kể cả Cảm giác, trí giác, ý thức và tinh thần, đều không phải là tự ngã nữa. Vả lại, ngã là cái gì trường tồn bất biến, mà thâm tâm ta lại thay đổi từng sát na rất nhanh chóng, nên không thể gọi là tự ngã. Cái ta hay cái ngã mà người đời gọi là linh hồn, cũng là giả, không có thật. Hình hài và tâm linh lại không hề có chủ thật. Cảm giác và cả tư tưởng cũng không hề có cái ta làm cảm hứng và cái ta làm cá thể suy tư. Khi các pháp được kết hợp khi đủ nhân duyên cần thiết thì cái ý niệm về cá thể xuất hiện, cá thể ở đây chỉ cho vọng tưởng hiện bày mà không phải là thật thể (Tỳ Kheo Ni: Như Thanh, 1993).

Đức Phật dạy thêm: “Mọi vật trên trần thế này, không có vật nào có cái ngã riêng biệt cả. Tất cả các pháp có được cũng chỉ là những hợp tướng tạm thời của nhiều phần tử duyên hợp lại với nhau. Lúc nào duyên hết thì hợp tướng phải tan rã. Đó là lý vô ngã vậy (Abatman).”

Đạo lý thâm uyên của nhà Phật được xây dựng trên thuyết vô ngã này.

Ngã là gì? Hay nói rõ hơn là tự ngã là nghĩa gì? Theo Bà la môn, cái ngã hay tự ngã là gồm có ba nghĩa nơi chính nó: đồng nhất, bất biến và tự tại (Thích Thanh Từ, 1990). Vì tự tại và bất biến nên nó nghĩ rằng nó trường tồn ẩn náu trong thân xác, dù cho thân xác này hủy hoại, nó vẫn tồn tại, không bị chi phối, đồng nhất vì không biến đổi. Ngược lại là Duy vật phái, phái này chủ trương con người vốn do vật chất hợp thành, một khi thân xác tan hoại thì không còn cái chi khác nữa, dù gọi là linh hồn. Hai lối chấp ở trên đều đem đến cho xã hội nhiều tai hại hơn, nhất là về những giá trị đạo đức.

Như vậy thì vô ngã là không có cái đồng nhất, bất biến và tự tại. Con người vô ngã đã đành, mà tất cả vạn pháp cũng là vô ngã hết. Vì sao? Vì vạn pháp chịu một định luật chung, sinh diệt không ngừng nghỉ, nương gá nhau mà thành, không độc lập. Vì là vô ngã, nên không có cái tôi ở sau mọi cá thể. Vì cái tôi không có, nên trong duyên khởi Đức Phật không nói về ai, về người nào, mà chỉ nói những duyên tạo thành nương gá mà thôi. Ví như nói về sinh, bệnh, lão, tử, chứ không nói ai là sinh, bệnh, lão tử; như nói về vô minh, chứ không nói ai là người vô minh. Ngã vốn là không thì làm gì có cái liên quan đến cái ngã?

Như vậy, theo lý duyên khởi thì mọi vật trên thế gian này đều là giả danh, hay nói một cách khác là sự tập hợp của nhiều phần tử không có tự tánh với danh tánh cũng chỉ là những quy ước. Ví dụ như trong ngũ uẩn gồm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Năm uẩn này hợp thành con người mà không có cái tôi đứng sau chúng gì cả. Nhiều người nghĩ cái tôi qua chữ “chính mình” lại cũng là một sự sai lầm do trí-thức tạo nên, do vô minh mà có. Trong tuyệt Vô ngã của Phật giáo, thuyết “Không” không phải là kết quả của các phân tích tâm lý, mà là kết quả của một

trực giác hưng phấn do kết quả của thiền quán mà thành, trong đó hoàn toàn không có một suy lý nào được dùng đến (D.Suzuki, 2001).

Không là viên ngọc quý được thấy trong hầu hết các bài kinh kệ từ Tiểu thừa cho đến Đại thừa, được Đức Phật thuyết pháp.

a. Không là cội nguồn của sự giác ngộ.

Cái “Không” rất ư là quan trọng trong việc giác ngộ. “Ứng vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm”. Tâm “không trụ” vào đâu, nghĩa là tâm trong sạch như không, thì tâm không còn phiền não. Đối với các pháp niệm niệm mà lòng không trụ vào đâu thì khỏi bị buộc ràng. Ta có cái tâm thật trong sạch, thanh tịnh, là đạt được sự an lạc rồi.

Khi Đức Phật còn tại thế, trong hàng Phật tử theo Phật có Ông Suddhipanthaka, người học trước quên sau, học xong bữa nay lại quên bài hôm trước. Căn cơ Ông thật là chậm tiêu. Dù theo Cù Đàm rất lâu, những bạn đồng môn đều được chứng quả, riêng Ông thì không chứng đắc được điều gì, lại chẳng nhớ một câu kinh, bài kệ, chẳng hiểu được điều gì. Bị người anh quả trách: “Tu như thế thì ở nhà nấu cơm gánh củi còn hơn là đi tu”.

Quá tủi thân, Ông đứng khóc. Đức Phật trong tịnh xá đi ra thấy vậy, dừng bước và hỏi Ông: Vì sao con khóc? Bạch Thế Tôn, vì người anh của con thấy con u-tối, tu học không nổi, nên muốn con về nhà có ích hơn là đi tu.

Đức Phật cầm tay Ông, dẫn Ông vào tịnh xá và ôn tồn dạy: “Nếu con có thiện chí tu hành, ta chỉ dạy con phương pháp tu. Con chỉ cần nhớ hai chữ mà thôi. Nay Suddhipanthaka, lắng nghe và nhớ kỹ hai chữ “Tảo Tuệ” này.

Quá mừng, Ông đành lễ Đức Phật và quyết tâm thực hành lời chỉ giáo. Nhưng than ôi, thương thay cho Ông, Ông học được chữ Tảo thì quên chữ Tuệ. Ông học được chữ Tuệ thì quên mất luôn chữ Tảo.

Đôi khi Ông lại quên luôn cả hai chữ. Nhưng quyết tâm và sự Đức Phật buồn vì ra sức chỉ dạy Ông, Ông quên cả ăn, bỏ luôn cả ngủ,

tuần đầu thì nhớ được chữ Tảo, lại quên chữ Tuệ. Hai tuần sau, nhớ chữ Tuệ, lại quên đi chữ Tảo. Đến cả tháng sau và sau nữa, Ông mới nhớ được cả hai là Tảo Tuệ. Thật là khổ cho Ông.

Đi đâu Ông cũng lầm bầm hai chữ đó, nhưng lại chả hiểu ý nghĩa là gì? Tại sao Đức Phật lại dạy hai chữ ấy, có tác dụng gì? Ông vui vẻ hỏi há tìm Phật và thưa Phật: “Đến hôm nay, con mới thuộc hai chữ Tảo Tuệ rồi. Kính xin Đức Phật chỉ dạy cho con cái nghĩa của hai chữ ấy”.



(còn tiếp)